

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lương Thanh Hải

2. Ông: Mai Văn Công

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*

Bà: Nhữ Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Khánh H, sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn Đền, xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Văn H1, sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn Riêng, xã Điền Lư, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Vắng mặt không có lý do

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2023, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh H1 tự do tìm hiểu xuất phát từ tình yêu. Năm 2014 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Điền Lư ngày 16/4/2014. Sau khi lấy nhau và có con chung thì có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất được quan điểm chung về kinh tế, công việc và cách hành xử trong cuộc sống. Thời gian mâu thuẫn gay gắt nhất là vào tháng 9 năm 2022. Anh H1 thường xuyên chửi bới và dọa giết chị và gia đình chị. Trước mặt con cái luôn chửi bậy và văng tục, chị bị ảnh hưởng rất nhiều về tinh thần. Chị

và anh H1 đã ly thân được 4 tháng. Nay chị thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với anh H1 nên có nguyện vọng được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Khánh Đ, sinh ngày 08/10/2014 và Trương Phúc Kh, sinh ngày 18/9/2018, ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2024 anh H1 anh trình bày: Vợ chồng chung sống hoà thuận, sinh được 2 con một trai, một gái anh là một người chồng rất yêu vợ và thương các con. Trong cuộc sống gia đình khó khăn nên cũng hay xảy ra mâu thuẫn trong mấy năm gần đây chị H nói bị căn số nên phải đi thầy đi đền để được yên căn, yên số để làm ăn, anh thương vợ và cũng muốn vợ yên tâm nên anh cũng đi lo đưa vợ đi, nhưng càng ngày thấy vợ càng lún sâu, mỗi lần đi như vậy rất tốn kém anh khuyên ngăn mãi không được, nói nặng, nói nhẹ thì chị H giận dỗi bỏ lên nhà ngoại. Anh khuyên mãi nhưng chị H không về, các con đi theo mẹ anh ở một mình nên anh thấy rất buồn, đêm không ngủ được. Ông bà ngoại cũng theo phía chị H, thấy anh lên nhà là chửi bới. Nay chị H làm đơn ly hôn, anh có nguyện vọng đi làm ăn xa một thời gian để vợ chồng suy nghĩ lại nhưng chị H không đồng ý, anh còn yêu thương vợ con rất nhiều vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Khánh Đ, sinh ngày 08/10/2014 và Trương Phúc Kh, sinh ngày 18/9/2018, ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 2 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 30/01/2024 chị H và anh H1 thống nhất khi ly hôn giao 02 con chung cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản và công nợ anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về hôn nhân chị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh H1 không đồng ý ly hôn.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/4/2024 chị H giữ nguyên ý kiến như tại biên bản hoà giải ngày 30/01/2024.

Quá trình giải quyết vụ án anh H1 cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và căn cứ các điều 227, 228, 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Khánh H, xử cho chị Lê Khánh H được ly hôn anh Trương Văn H1.

Về con chung: Giao 02 con chung Trương Khánh Đ, sinh ngày 08/10/2014 và Trương Phúc Kh, sinh ngày 18/9/2018 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H, anh H1 đều có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Thanh Hoá ngày 16/4/2014 và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không thống nhất được quan điểm chung về kinh tế, công việc dẫn đến mâu thuẫn, tranh cãi, hiện nay hai vợ chồng đã ly thân, việc này cũng đã được bố đẻ của anh H1 là ông Trương Minh Thuởng xác nhận. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56-Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị H được ly hôn anh H1.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trương Khánh Đ, sinh ngày 08/10/2014 và Trương Phúc Kh, sinh ngày 18/9/2018. Tại đơn khởi kiện chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung, anh H1 cũng có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng, tại biên bản hoà giải ngày 30/01/2024 chị H và anh H1 thống nhất ly hôn giao 02 con chung cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H giữ nguyên ý kiến giao 02 con chung cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy thoả thuận của hai bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật vì vậy khi ly hôn giao 02 con chung cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của hai bên đương sự và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị H, anh H1 không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Khánh H được ly hôn anh Trương Văn H1.

Về con chung: Giao 02 con chung Trương Khánh Đ, sinh ngày 08/10/2014 và Trương Phúc Kh, sinh ngày 18/9/2018 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số: BLTU/23/0005914 ngày 04/01/2024. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã Điền L;
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Vũ Văn Nga**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Lương Thanh Hải**

**Mai Văn Công**

**Vũ Văn Nga**

